Chi tiết mã HS 5206.13.00

Mã HS	5206.13.00
Mô tả hàng hóa	Sợi bông (trừ chỉ khâu), có hàm lượng bông chiếm dưới 85% tính theo khối lượng, chưa đóng gói để bán lẻ / - Sợi đơn, làm từ xơ không chải kỹ: / - - Sợi có độ mảnh từ 192,31 decitex đến dưới 232,56 decitex (chi số mét trên 43 đến 52)
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	08/11/2026 10:25:03
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/52061300/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	7.5	7,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K8086
Thuế NK ưu đãi (MFN)	5	5%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N8086
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q8086
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	3,3	3,3%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	3,3	3,3%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	3,3	3,3%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	3,3	3,3%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
RCEP (Phụ lục D)	3,4	3,4%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	3.5	3,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		5	AC!E7685
ATIGA	2022	2022	0	AT!E7638
ATIGA	2023	2023	0	AT!F7638
ATIGA	2024	2024	0	AT!G7638
ATIGA	2025	2025	0	AT!H7638
ATIGA	2026	2026	0	AT!I7638
ATIGA	2027	2027	0	AT!J7638
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E7688
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F7688

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G7688
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H7688
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I7688
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J7688
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E7689
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F7689
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G7689
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H7689
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I7689
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J7689
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F7690
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H7644
AIFTA	30/12/2022	2022	5	AI!F7652
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	5	AI!G7652
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	5	AI!H7652
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	5	AI!I7652
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	5	AI!J7652
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	5	AI!K7652
VKFTA	2022	2022	0	VK!E7674
VKFTA	2023	2023	0	VK!F7674
VKFTA	2024	2024	0	VK!G7674
VKFTA	2025	2025	0	VK!H7674
VKFTA	2026	2026	0	VK!I7674
VKFTA	2027	2027	0	VK!J7674
VCFTA	2022	2022	0	VC!D7720
VCFTA	2023	2023	0	VC!E7720

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F7720
VCFTA	2025	2025	0	VC!G7720
VCFTA	2026	2026	0	VC!H7720
VCFTA	2027	2027	0	VC!I7720
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D7700
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E7700
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F7700
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G7700
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H7700
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I7700
AHKFTA	2022	2022	5	AKH!D7713
AHKFTA	2023	2023	5	AKH!E7713
AHKFTA	2024	2024	5	AKH!F7713
AHKFTA	2025	2025	5	AKH!G7713
AHKFTA	2026	2026	5	AKH!H7713
AHKFTA	2027	2027	5	AKH!I7713
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D7717
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E7717
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F7717
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G7717
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H7717
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I7717
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D7718
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E7718
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F7718
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G7718

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H7718
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I7718
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D7668
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E7668
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F7668
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G7668
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H7668
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I7668
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J7668
RCEP A	2022	2022	4,7	RCEPT-A!D7705
RCEP A	2023	2023	4,3	RCEPT-A!E7705
RCEP A	2024	2024	4	RCEPT-A!F7705
RCEP A	2025	2025	3,7	RCEPT-A!G7705
RCEP A	2026	2026	3,3	RCEPT-A!H7705
RCEP A	2027	2027	3	RCEPT-A!I7705
RCEP B	2022	2022	4,7	B!D7705
RCEP B	2023	2023	4,3	B!E7705
RCEP B	2024	2024	4	B!F7705
RCEP B	2025	2025	3,7	B!G7705
RCEP B	2026	2026	3,3	B!H7705
RCEP B	2027	2027	3	B!I7705
RCEP C	2022	2022	5	C!D7705
RCEP C	2023	2023	5	C!E7705
RCEP C	2024	2024	5	C!F7705
RCEP C	2025	2025	5	C!G7705
RCEP C	2026	2026	5	C!H7705

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	5	C!I7705
RCEP D	2022	2022	4,7	D!D7705
RCEP D	2023	2023	4,4	D!E7705
RCEP D	2024	2024	4,1	D!F7705
RCEP D	2025	2025	3,8	D!G7705
RCEP D	2026	2026	3,4	D!H7705
RCEP D	2027	2027	3,1	D!I7705
RCEP E	2022	2022	4,7	E!D7708
RCEP E	2023	2023	4,3	E!E7708
RCEP E	2024	2024	4	E!F7708
RCEP E	2025	2025	3,7	E!G7708
RCEP E	2026	2026	3,3	E!H7708
RCEP E	2027	2027	3	E!I7708
RCEP F	2022	2022	4,7	F!D7705
RCEP F	2023	2023	4,3	F!E7705
RCEP F	2024	2024	4	F!F7705
RCEP F	2025	2025	3,7	F!G7705
RCEP F	2026	2026	3,3	F!H7705
RCEP F	2027	2027	3	F!I7705
VIFTA	2024	2024	4,5	VI!F7111
VIFTA	2025	2025	4	VI!G7111
VIFTA	2026	2026	3.5	VI!H7111
VIFTA	2027	2027	3	VI!I7111

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	DM HH mua bán, trao đổi qua cửa khẩu phụ, lối mở biên giới của thương nhân (42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT)		42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
FTA-013	YELLOW	Thuế FTA không thấp hơn MFN	ACFTA 5%, AHKFTA 5%, AIFTA 5%, RCEP (Phụ lục C) 5%: thuế suất ưu đãi đặc biệt bằng hoặc cao hơn thuế MFN (5%) theo biểu nguồn – áp dụng FTA không mang lại tiết kiệm.	MFN 5%		Cân nhắc áp dụng thuế MFN (nếu nước xuất xứ đáp ứng điều kiện MFN) thay vì chuẩn bị chứng từ xuất xứ FTA.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 5206.13.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 5% của mã 5206.13.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N8086), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
DM HH mua bán, trao đổi qua cửa khẩu phụ, lối mở biên giới của thương nhân (42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.